TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 21-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Thuận.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Lan Hương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Đức Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Chu Minh T; tên gọi khác: không; sinh ngày 28 tháng 3 năm 1998 tại Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 4 Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Thống T và bà Vương Thị L; vợ; con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt từ ngày 24/10/2018; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Bàn Thị M, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 4 Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 3, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 4, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 ngày 24/10/2018, Chu Minh T trú tại tổ 4 Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang đi bộ từ nhà đến nhà bà Bàn Thị M cùng trú tại tổ 4 Thị trấn T, huyện Q, T đi vào nhà thấy có 01 chiếc xe mô tô BKS: 23L1 - 086.66, màu xe trắng - đen, nhãn hiệu HONDA BLADE để ở gian phòng khách nên T dắt chiếc xe mô tô ra khỏi nhà rồi dắt đi về phía ngã ba trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Q. Do không có chìa khóa để nổ máy nên T vừa dắt xe, vừa ngồi lên xe dùng chân để đẩy xe đi đến quán sửa xe mô tô của anh Phạm Văn K tại tổ 3 Thị trấn T, huyện Q, T nói với anh K là để quên chìa khóa xe ở quán Karaoke và nhờ anh K đấu điện để nổ máy xe đi về nhà, anh K đồng ý. Sau khi anh K đấu điện nổ được máy xe, Thành điều khiển xe mô tô đến nhà chị Hoàng Thị G, trú tại: Tổ 4, Thị trấn T, huyện Q mượn được mũ bảo hiểm và áo mưa của chị G. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi xuống thành phố Hà Giang với mục đích bán hoặc cầm cố chiếc xe mô tô lấy tiền tiêu sài. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T đi đến thành phố Hà Giang, T điều khiển xe mô tô vào quán Internet của anh Nguyễn Tuấn A tại số nhà: 50 L, tổ 19 phường M, thành phố Hà Giang thì bị tổ công tác của Công an huyện Q bắt quả tang Thành cùng tang vật là chiếc xe mô tô BKS: 23L1- 086.66, nhãn hiệu HONDA BLADE, đưa về công an Huyện Q điều tra giải quyết.

Tại Kết luận số: 12/KL-HĐĐGTXTTTHS ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Q, kết luận: 01chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA BLADE, màu trắng đen, biển kiểm soát số: 23L1-086.66 giá trị là 13.000.000 đồng *(Mười ba triệu đồng)*.

Quyết định truy tố số: 01/CT-VKSQB ngày 14/11/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Chu Minh T về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Quyết định truy tố đã nêu. Đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Chu Minh T phạm tội Trộm cắp tài sản;

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Minh T từ 8 đến 10 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, bản thân sống dựa vào gia đình nên không đề nghị xem xét hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, không xem xét.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị trả cho bị hại Bàn Thị M 01chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA BLADE, màu trắng đen, biển kiểm soát số 23L1-086.66; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô sô: 004156.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Chu Minh T không có ý kiến đối đáp lại đại diện viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị hại bà Bàn Thị M đề nghị chủ tọa phiên tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, không yêu cầu bị cáo T bồi thường về trách nhiệm dân sự; đề nghị trả lại chiếc xe mô tô cho gia đình bà.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã vi phạm pháp luật, việc bị cáo bị xử lý về hình sự là thỏa đáng, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Chu Minh T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ 00 ngày 24/10/2018, Chu Minh T có hành vi vào nhà bà Bàn Thị M, lợi dụng khi không có người đã lén lút dắt trộm có 01 chiếc xe mô tô BKS: 23L1- 086.66, màu xe trắng - đen, nhãn hiệu HONDA BLADE, trị giá là 13.000.000 đồng để ở gian phòng khách, T dắt đi rồi vào hiệu sửa xe máy của anh K nhờ đấu điện để nổ máy xe, T điều khiển xe mô tô về Thành Phố Hà Giang, nhằm mục đích bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, khi đến về đến Thành Phố Hà Giang T vào quán Internet của anh Nguyễn Tuấn A tại số nhà: 50 L, tổ 19 phường M, thành phố Hà Giang thì bị tổ công tác của Công an huyện Q bắt quả tang T cùng tang vật là chiếc xe mô tô BKS: 23L1- 086.66, nhãn hiệu HONDA BLADE.

Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự năm 2015. *Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:*

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an ở địa phương, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, ham chơi, muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện phạm tội. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội; bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy đinh: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm nên không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả cho bị hại Bàn Thị M 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA BLADE, màu trắng đen, biển kiểm soát số 23L1-086.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 004156 do Công an huyện Q cấp ngày 12/9/2017, mang tên chủ xe: Chu Minh L.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không đề nghị, không xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Chu Minh T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Chu Minh T 08 *(Tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 24/10/2018.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả cho bị hại Bàn Thị M, trú tại tổ 4 Thị trấn T huyện Q, tỉnh Hà Giang: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 23L1- 086.66, nhãn hiệu: HONDA, số loại: BLADE, màu sơn trắng - đen, số máy JA36E0519661, số khung: 3647GY059040, tên chủ xe: Chu Minh L; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 004156 do Công an huyện Q cấp ngày 12/9/2017, mang tên chủ xe: Chu Minh L.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/11/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Chu Minh T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành ándân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục THA huyện;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND TT Tam Sơn;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Thuận